THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 565/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số

81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 1684/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Công văn số 1811/UBND-KT ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Kế hoạch theo ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch tỉnh).

b) Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

c) Xác định tiến độ và nguồn lực thực hiện các dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch.

b) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, "lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước" để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông, liên kết Vùng.

d) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và khả năng cân đối nguồn lực đầu tư. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết Vùng, nội vùng gắn với hành lang kinh tế Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu; tăng cường kết nối hướng Đông - Tây với Bình Dương, Bình Phước, Long An; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại ba vùng phát triển và bốn trục động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh; hạ tầng y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng thông tin, truyền thông, chuyển đổi số để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: tại Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại ba vùng phát triển và bốn trục động lực của tỉnh.

b) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hạ tầng giao thông, hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hệ thống cảng thủy nội địa, hạ tầng logistics; các dự án phát triển du lịch; các dự án phát triển năng lượng tái tạo; các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các lĩnh vực hạ tầng thông tin và truyền thông, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường, đô thị, dân cư, thương mại, dịch vụ.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: tại Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2025 và Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2026 - 2030 đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2023 và các quy định khác có liên quan.

b) Trường hợp có chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, khu vực định hướng quy hoạch đầu tư trong các quy hoạch được phê duyệt trước đây khác so với Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng quy hoạch đầu tư của Quy hoạch tỉnh.

4. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt khoảng 9,5%/năm, tỉnh Tây Ninh dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 628 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	**Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030**	
	Giai đoạn 2021 - 2025	**Giai đoạn 2026 - 2030**
Nguồn vốn khu vực nhà nước	17% (tương đương 36 nghìn tỷ)	12% (tương đương 49 nghìn tỷ)

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030	
	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	51% (tương đương 107 nghìn tỷ)	52% (tương đương 218 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	32% (tương đương 67 nghìn tỷ)	36% (tương đương 149 nghìn tỷ)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tây Ninh phù hợp với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch Vùng theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

b) Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

c) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển, đặc biệt là cơ chế, chính sách cho vùng động lực, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng liên vùng, liên huyện, hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khuyến khích phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao, thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch, khu sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành, trong đó tập trung đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

đ) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác liên vùng, mở rộng hợp tác quốc tế với các địa phương lân cận của Vương quốc Cam-pu-chia, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục duy trì và thâm nhập các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU,... đồng thời, hướng tới những thị trường mới như Nam Mỹ, Châu Phi.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng.

b) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng nhằm phát triển công nghiệp, dịch vụ, chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm.

c) Triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu dịch vụ phục vụ công nghiệp... theo quy hoạch được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...

d) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

đ) Ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương, đồng thời tích cực hợp tác với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

e) Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động nguồn thu để huy động các nguồn vốn đa dạng như: nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, kiều hối và kêu gọi đóng góp đầu tư từ các nguồn hợp pháp khác ...

g) Xây dựng hệ thống dữ liệu về các dự án đầu tư tư nhân (gồm: danh mục kêu gọi đầu tư, theo dõi dự án đầu tư, tiến độ dự án, kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn để nhà đầu tư hoàn thành, vận hành dự án) nhằm tận dụng tối đa lợi thế của địa phương, thu hút các dự án phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Nâng cao chất lượng công tác dự báo về cung cầu lao động, năng lực đào tạo cho các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đào tạo, dạy nghề. Tăng cường hợp tác liên kết trong đào tạo, gắn đào tạo với sử dụng nguồn nhân lực. Đảm bảo công khai, minh bạch trong tuyển dụng nhân lực; sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có và thu hút nhân tài.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển đào tạo, dạy nghề; áp dụng mô hình đào tạo theo cơ chế chia sẻ kinh phí đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp.

4. Về môi trường, khoa học và công nghệ

a) Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy định, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao nhận thức cộng đồng và vấn đề xã hội hóa trong bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường.

b) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh. Tăng cường, nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia triển khai thực hiện dự án đổi mới khoa học công nghệ.

5. Về an sinh xã hội

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo trên cơ sở tăng định mức, cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội

cơ bản của hộ nghèo, nhóm yếu thế, đặc biệt là tại các địa phương vùng sâu, vùng xa của các huyện biên giới. Thực hiện đồng bộ các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế, hỗ trợ tiếp cận thị trường tiêu thụ,... phù hợp với các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn để thúc đẩy phát triển sản xuất gắn với giảm nghèo.

b) Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, củng cố cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, y tế, giáo dục, nước sạch, thông tin truyền thông).

c) Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định. Đẩy mạnh các phong trào ”Đền ơn đáp nghĩa”, ”Uống nước nhớ nguồn”, nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

đ) Thực hiện tốt Luật Trẻ em, các chương trình về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Tổ chức thực hiện công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách nhà nước hiệu quả; kịp thời xử lý, tháo gỡ các vướng mắc về thu ngân sách. Tiếp tục thực hiện hiệu quả, đúng quy định việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

b) Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Huy động từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi nước ngoài, nguồn vốn viện trợ để thực hiện đề án, dự án của địa phương trong phát triển cơ sở hạ tầng trọng điểm, tăng cường liên kết Vùng kinh tế... Thực hiện khai thác có hiệu quả quỹ đất vùng phụ cận các đường cao tốc quy hoạch tạo nguồn vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các hạ tầng khác.

c) Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác; tăng cường thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; tập trung đầu tư, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, lấy tiềm lực chính trị - tinh thần làm nòng cốt; giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước, chính quyền về công tác quốc phòng - an ninh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh.

b) Xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh theo hướng nâng cao năng lực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện tác chiến, triển khai hiệu quả đề án, kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới và lãnh thổ, phù hợp với bối cảnh, tình hình, thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh. Xây dựng lực lượng Quân đội, Công an nòng cốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

d) Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, chú trọng nguồn lực hậu cần - kỹ thuật, cơ sở vật chất, hạ tầng và tiềm lực kinh tế quốc phòng - an ninh phục vụ công tác, chiến đấu của các lực lượng.

đ) Tăng cường, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng - an ninh phục vụ yêu cầu công tác quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh; (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 1684/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 1811/UBND-KT ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Tây Ninh; (iv) không hợp thức hóa các sai phạm trước đây (nếu có) liên quan đến các dự án tại Phụ lục kèm theo; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án (nếu có) tại Phụ lục kèm theo: chỉ triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch Vùng đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương.

đ) Định kỳ hàng năm đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh, Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
I	**Dự án giao thông**				
1	Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài	Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh	x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước (PPP)
2	Đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát	Huyện Gò Dầu - TX. Hòa Thành - Huyện Dương Minh Châu - Thành phố Tây Ninh - Huyện Tân Biên	x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước (PPP)
3	Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789	TX. Trảng Bàng - Huyện Dương Minh Châu	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
4	Đường Trường Chinh mở rộng	Thành phố Tây Ninh - Huyện Dương Minh Châu	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.
5	Đường kết nối đến cửa khẩu quốc tế Tân Nam (ĐT.791)	Huyện Tân Biên	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.
6	Trung tâm logistics Hưng Thuận	TX. Trảng Bàng	x	x	Vốn ngoài nhà nước
7	Đường và cầu kết nối Tây Ninh - Bình Phước	Tây Ninh - Bình Phước		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.
8	Đường và cầu kết nối từ ĐT.789 (Tây Ninh) đến ĐT.744 (Bình Dương)	Tây Ninh - Bình Dương		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
9	Tuyến đường Bến Củi - Đất Sét - Trà Vỏ - Mộc Bài (Đường ĐT.789B đoạn từ ĐT.784 đến QL.22 (cửa khẩu Mộc Bài))	Huyện Dương Minh Châu - Huyện Gò Dầu - Huyện Bến Cầu		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.
10	Cảng hàng không, sân bay Tây Ninh (Được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền bổ sung vào quy hoạch ngành quốc gia)	Huyện Dương Minh Châu		x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
11	Khu đô thị, sân golf	Huyện Dương Minh Châu		x	Vốn ngoài nhà nước (PPP).
12	Trung tâm logistics cửa khẩu Mộc Bài	KKTCK Mộc Bài		x	Vốn ngoài nhà nước
II	**Dự án hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cửa khẩu, năng lượng**				
13	Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài	TX. Trảng Bàng, huyện Bến Cầu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
14	Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát	Huyện Tân Biên	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
15	Khu công nghiệp Hiệp Thạnh	Huyện Gò Dầu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
16	Hạ tầng cửa khẩu quốc tế Tân Nam	Huyện Tân Biên	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
					trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
17	Hạ tầng cửa khẩu chính Phước Tân	Huyện Châu Thành	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
18	Dự án Điện mặt trời Dầu Tiếng 5	Huyện Dương Minh Châu	x	x	Vốn ngoài nhà nước
19	Các dự án điện phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia và Kế hoạch triển khai quy hoạch ngành quốc gia	Toàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
20	Khu công nghiệp Thạnh Đức	Huyện Gò Dầu		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
21	Khu công nghiệp Bến Củi	Huyện Dương Minh Châu		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
22	Khu công nghiệp Hưng Thuận	TX. Trảng Bàng		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
23	Khu công nghiệp Thành Công mở rộng	TX. Trảng Bàng		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
III	**Dự án sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi**				
24	Dự án sản xuất, chế biến sản phẩm trang trí nội thất Trảng Bàng	TX. Trảng Bàng	x	x	Vốn ngoài nhà nước

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
25	Dự án chế biến gỗ công nghiệp xuất khẩu Tân Châu	Huyện Tân Châu	x	x	Vốn ngoài nhà nước
26	Dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm cỏ Đông giai đoạn 2	Huyện Châu Thành	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
27	Các dự án nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao	Toàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
28	Nâng cấp, sửa chữa, xây mới các công trình thủy lợi	Toàn tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án.
IV	**Dự án cấp, thoát nước và xử lý nước thải**				
29	Xây mới, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước	Toàn tỉnh	x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
30	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	Toàn tỉnh	x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
V	**Xử lý chất thải rắn**				
31	Các khu xử lý chất thải rắn	Toàn tỉnh	x	x	Vốn ngoài nhà nước.
VI	**Dự án khu đô thị, khu dân cư**				
32	Khu đô thị Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
33	Khu đô thị phục vụ Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
34	Các khu đô thị phụ cận Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, phía Nam đường ĐT.790	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
35	Các khu đô thị mới, thương mại, dịch vụ tại phường 1, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
36	Các khu đô thị mới, kết hợp chức năng thể thao, sân golf, sinh thái, nghỉ dưỡng	TP. Tây Ninh, huyện Gò Dầu	x	x	Vốn ngoài nhà nước

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
37	Các khu đô thị thương mại, dịch vụ theo quy hoạch chung và quy hoạch phân khu thuộc thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành, thị xã Trảng Bàng và huyện Gò Dầu	TP. Tây Ninh, TX. Hòa Thành, TX. Trảng Bàng và huyện Gò Dầu	x	x	Vốn ngoài nhà nước
38	Khu đô thị, thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục, tái định cư Bàu Năng	Huyện Dương Minh Châu	x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
VII	**Dự án đầu tư lĩnh vực thương mại - dịch vụ**				
39	Các trung tâm thương mại	Theo nhu cầu thực tế, đáp ứng đủ các điều kiện	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
40	Dự án không gian mở vui chơi giải trí trung tâm	TP. Tây Ninh	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
41	Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Tây Ninh	TP. Tây Ninh		x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
					cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
VIII	**Dự án giáo dục, y tế, khoa học công nghệ**				
42	Nâng cấp, sửa chữa, xây mới các trường mầm non, tiểu học, phổ thông các cấp	Toàn tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
43	Các dự án xã hội hóa giáo dục	TP. Tây Ninh; huyện Châu Thành; huyện Dương Minh Châu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
44	Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa Tây Ninh	TP. Tây Ninh, huyện Dương Minh Châu		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
45	Bệnh viện Sản Nhi Tây Ninh	TP. Tây Ninh		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI
46	Khu nghiên cứu và Đào tạo tỉnh Tây Ninh	TP. Tây Ninh		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
					cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
47	Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo (Nâng cấp Trung tâm Khoa học và Công nghệ)	TP. Tây Ninh		x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
IX	**Dự án lĩnh vực thông tin, truyền thông, chuyển đổi số**				
48	Đề án xây dựng đô thị thông minh và chuyển đổi số		x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
49	Đề án xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh		x		- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
50	Đề án xây dựng nền tảng bản đồ số dùng chung		x	x	- Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án. - Vốn ngoài nhà nước.
X	**Dự án văn hóa, du lịch**				
51	Tu bổ Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam; phát triển Khu du lịch sinh thái về nguồn gắn với quần thể di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Trung ương Cục miền Nam	Huyện Tân Biên	x		Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
52	Khu phức hợp văn hóa, thể thao, quảng trường trung tâm	TP. Tây Ninh	x	x	Ngân sách nhà nước: được xây dựng cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong quá trình lập Kế hoạch đầu tư công, phê duyệt chủ trương và đầu tư dự án
53	Khu tham quan chuyên đề, nghỉ dưỡng trên đỉnh núi Bà Đen	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước

STT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến	Giai đoạn đầu tư		Nguồn vốn dự kiến
			2021 - 2025	2026 - 2030	
54	Các dự án theo phân khu chức năng thuộc quy hoạch chung phát triển Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen theo Quyết định số 1099/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ	TP. Tây Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước
55	Khu du lịch sinh thái - thương mại - dịch vụ Đảo Nhím, Hồ Dầu Tiếng	Huyện Dương Minh Châu	x	x	Vốn ngoài nhà nước
56	Khu du lịch sinh thái tại Tiểu khu 63 và vùng đất bán ngập xung quanh thuộc xã Suối Đá	Huyện Dương Minh Châu	x	x	Vốn ngoài nhà nước

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án;

- Trong quá trình nghiên cứu triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, công suất dự án, phân kỳ đầu tư dự án, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

- Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án trong danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.